TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:15/2018/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 03 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ B, thị trấn L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Tr - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Kho K, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A - chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn:

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Việt Đ – Chức vụ Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ma Thị H- Chức vụ Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh.

- Ngân hàng chính sách xã hội B; Địa chỉ: Số 1, phố L, phường H, quận M, thành phố N.

Phòng giao dịch huyện Ch: Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn H – Chức vụ Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Thu H – Chức vụ Phó giám đốc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1984

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Tr - Sinh năm 1982

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Tr nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Tr thỏa thuận, thống nhất giao 01 con chung là Nguyễn Đình T, sinh ngày 11/4/2010 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Đình Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về khoản vay, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Tr thỏa thuận, thống nhất chị H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đối với các khoản vay nợ sau:

+ Trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A - chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn, số tiền nợ gốc là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

+ Trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn, số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Nguyễn Đình Tr phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H tự

nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05926 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- UBND thị trấn B;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận.
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Đặng Đình Hưng